

SỐ:/BC- UBND

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kim Anh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO THỰC HIỆN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

PHẦN I: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

- Thực hiện Quyết định số: 3536/QĐ- UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Kim Thành "V/v giao chỉ tiêu kế hoạch thu- chi ngân sách xã năm 2022".

- Nghị Quyết số: 12/NQ- HĐND xã khoá XXII tại kỳ họp thứ 2 ngày 31/12/2021 đã phê duyệt kế hoạch thu- chi ngân sách xã năm 2022, giao cho UBND xã thực hiện.

A/ THỰC HIỆN THU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị tính: Nghìn đồng

ST T	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM (THEO NQ- HĐND XÃ)	THỰC HIỆN THU	So sánh TH/KH (%)
A	TỔNG THU (I+II)	6.290.886	3.856.666	61%
I	THU ĐỂ CHI THƯỜNG XUYÊN	5.290.886	3.693.734	70%
1	Thu phí, lệ phí	0	10.638	
2	Thu các hợp đồng khoán và đất công điền	50.000	50.000	100%
2	Thu đóng góp của tổ chức, cá nhân		500.000	
3	Thu khác ngân sách	0	52.313	
4	Thu phí môn bài	29.000	24.900	86%
5	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100.000	80.000	80%
6	Thu lệ phí trước bạ nhà đất	150.000	145.000	97%
7	Thu thuế thu nhập cá nhân	140.000	130.000	93%
8	Thu thuế VAT và Thuế TNDN	256.000	150.000	59%
9	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.565.886	1.790.112	39%
10	Thu bổ sung theo mục tiêu		25.320	
11	Tăng thu 2021 chuyển sang để chi hỗ trợ và cải cách lương		735.451	
II	THU ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB	1.000.000	162.932	16%
1	Thu tiền đấu giá đất ngân sách xã được hưởng 30%	1.000.000	162.932	16%
2	Tăng thu 2021 chuyển sang để chi XDCB		0	

B/ THỰC HIỆN CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

ST T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM (THEO NQ- HĐND XÃ)	THỰC HIỆN CHI	TRONG ĐÓ		So sánh TH/KH (%)
				Tiền lương, BHXH	Tiền hoạt động và đầu tư	
A	TỔNG CHI	6.316.206	2.958.283	1.515.174	1.443.109	47%
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	5.316.206	2.458.283	1.515.174	943.109	46%
1	Chi Công an và Quân sự	550.000	258.732	197.163	61.569	47%
2	Chi Đài truyền thanh, VH, VN và TDTT	120.000	91.122	16.362	74.760	76%
3	Chi sự nghiệp kinh tế	66.000	3.800		3.800	6%
4	Chi sự nghiệp xã hội	365.000	148.135	144.137	3.998	41%
5	Chi hoạt động quản lý nhà nước	2.446.206	1.370.774	692.156	678.618	56%
6	Thực hiện tiết kiệm chi 20%	70.000	35.000		35.000	
7	Chi hoạt động Đảng, Đoàn thể, Hội	1.349.000	550.720	465.356	85.364	41%
8	Chi mua sắm TSCĐ	350.000	0		0	0%
II	CHI ĐẦU TƯ XDCB	1.000.000	500.000	0	500.000	50%
1	Chi giao thông	175.000	0		0	
2	Chi xây dựng trường Mầm Non		500.000		500.000	
3	Chi Bồi thường, hỗ trợ GPMB	825.000				

Tổng thu 6 tháng đầu năm 2022	3.856.666	ngàn đồng
Tổng chi 6 tháng đầu năm 2022	2.958.283	ngàn đồng
Dư 6 tháng đầu năm 2022	898.383	ngàn đồng
Trong đó: - Nguồn chi TX là	735.451	ngàn đồng
- Nguồn chi đầu tư XDCB là	162.932	ngàn đồng

PHẦN II: KẾ HOẠCH THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

A/ KẾ HOẠCH THU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

STT	NỘI DUNG THU	DỰ KIẾN	GHI CHÚ
A	TỔNG THU (I+II)	4.716.325	
I	THU ĐỀ CHI THƯỜNG XUYÊN	3.716.325	
1	Thu phí, lệ phí	10.000	
2	Thu các hợp đồng khoán và đất công điền	45.000	
3	Thu khác ngân sách	5.000	
4	Thu thuế SD đất phi nông nghiệp	20.000	
5	Thu phí môn bài	4.100	
6	Thu lệ phí trước bạ nhà đất	5.000	
7	Thu thuế thu nhập cá nhân	10.000	
8	Thu thuế VAT và Thuế TNDN	106.000	
9	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.775.774	
10	Dư 6 tháng đầu năm 2022 chuyển sang để chi TX	735.451	
II	THU ĐỀ ĐẦU TƯ XDCB	1.000.000	
1	Thu tiền đầu giá đất ngân sách xã được hưởng 20%	837.068	
2	Dư 6 tháng đầu năm 2022 chuyển sang để chi XDCB	162.932	

B/ KẾ HOẠCH CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Đơn vị tính: Nghìn đồng

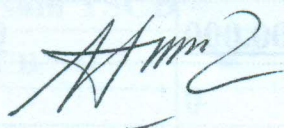
ST T	NỘI DUNG CHI	KẾ HOẠCH CHI	TRONG ĐÓ		Ghi chú
			Tiền lương, BHXH	Tiền hoạt động và đầu tư	
A	<u>TỔNG CHI</u>	<u>3.894.808</u>	<u>1.719.926</u>	<u>2.174.882</u>	
I	<u>CHI THƯỜNG XUYỀN</u>	<u>2.894.808</u>	<u>1.719.926</u>	<u>1.174.882</u>	
1	Công an và Quân sự	291.268	205.837	85.431	
2	Đài truyền thanh, VH, VN và TDTT	28.878	12.638	16.240	
3	Chi sự nghiệp kinh tế	62.200		62.200	
4	Chi sự nghiệp xã hội	216.865	174.363	42.502	
5	Chi hoạt động quản lý nhà nước	1.112.317	740.844	371.473	
6	Chi hoạt động Đảng, Đoàn thể, Hội	798.280	586.244	212.036	
7	Chi mua sắm TSCĐ và Quy hoạch	350.000		350.000	
8	Tiết kiệm chi TX 10%	35.000		35.000	
II	<u>CHI ĐẦU TƯ XDCB</u>	<u>1.000.000</u>		<u>1.000.000</u>	
1	Chi nâng cấp đường giao thông	175.000		175.000	
2	Chi bồi thường, hỗ trợ GPMB thu hồi đất	825.000		825.000	

Biểu B1: Chi tiết thực hiện chi 6 tháng đầu năm và Biểu B2: Chi tiết kế hoạch chi 6 tháng cuối năm 2022 (Kèm theo)

Trên đây là báo cáo thực hiện thu- chi ngân sách 6 tháng đầu năm và dự kiến Thu- chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022. Kính mong sự quan tâm giúp đỡ của quý vị đại biểu và cử tri trong xã, giúp ban tài chính hoàn thành nhiệm vụ.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

KÊ TOÁN NSX



Đoàn Văn Hùng

CHỦ TỊCH UBND XÃ



Trần Văn Hiến

B1/ CHI TIẾT THỰC HIỆN CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 KÈM THEO BÁO CÁO

Đơn vị tính: Nghìn đồng

ST T	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM (THEO NQ- HĐND XÃ)	THỰC HIỆN CHI	TRONG ĐÓ		So sánh TH/KH (%)
				Tiền lương, BHXH	Tiền hoạt động và đầu tư	
A	TỔNG CHI	5.491.206	2.958.283	1.515.174	1.443.109	54%
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	5.316.206	2.458.283	1.515.174	943.109	46%
1	Công tác quân sự	400.000	189.566	143.385	46.181	47%
2	Công tác An ninh	150.000	69.166	53.778	15.388	46%
3	Công tác Đài truyền thanh xã	50.000	21.122	16.362	4.760	42%
4	Văn hoá xã hội	20.000	20.000		20.000	100%
5	Văn hoá văn nghệ- TDTT	50.000	50.000		50.000	100%
6	Sự nghiệp kinh tế	66.000	3.800		3.800	6%
	Trong đó: + Nông nghiệp+Thú y	41.000	3.800		3.800	9%
	+ Chi giao thông	25.000	0		0	0%
7	Sự nghiệp xã hội	365.000	148.135	144.137	3.998	41%
8	HĐND xã	390.000	189.868	132.050	57.818	49%
9	UBND xã và các hiệp hội	2.126.206	1.180.906	560.106	620.800	56%
10	Tiết kiệm chi TX 20%	70.000	35.000		35.000	
11	Công tác Đảng	558.000	234.461	200.922	33.539	42%
12	MTTQ và TTND xã	245.000	99.911	99.381	530	41%
13	Đoàn TNCSHCM	110.000	31.604	11.304	20.300	29%
14	Hội Phụ nữ xã	116.000	45.566	45.306	260	39%
15	Hội Nông dân xã	114.000	50.616	45.576	5.040	44%
16	Hội CCB xã	119.000	55.588	36.893	18.695	47%
17	Hội Chữ thập đỏ	18.000	5.814	5.814	0	32%
18	Hội Người cao tuổi	24.000	11.068	4.068	7.000	46%
19	Hội Khuyến học	15.000	5.364	5.364	0	36%
20	Hội Nhiễm chất độc da cam	15.000	5.364	5.364	0	36%
21	Hội Thanh niên xung phong	15.000	5.364	5.364	0	36%
22	Chi mua sắm TSCĐ và Quy hoạch	350.000	0		0	0%
II	CHI ĐẦU TƯ XDCB	175.000	500.000	0	500.000	286%
1	Chi giao thông	175.000	0		0	
2	Trường học	0	500.000		500.000	
3	Bồi thường, Hỗ trợ GPMT thu hồi đất	825.000	0		0	

B2/ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022 KÈM THEO BÁO CÁO

Đơn vị tính: Nghìn đồng

ST T	NỘI DUNG CHI	KẾ HOẠCH CHI	TRONG ĐÓ		Ghi chú
			Tiền lương, BHXH	Tiền hoạt động và đầu tư	
A	TỔNG CHI	3.894.808	1.719.926	2.174.882	
I	CHI THƯỜNG XUYỀN	2.894.808	1.719.926	1.174.882	
1	Công tác Quân sự	210.434	149.615	60.819	
2	Công tác An ninh	80.834	56.222	24.612	
3	Công tác Đài truyền thanh xã	28.878	12.638	16.240	
4	Văn hoá xã hội	0		0	
5	Văn hoá văn nghệ- TDTT	0		0	
6	Sự nghiệp kinh tế	62.200		62.200	
	Trong đó: + Chi nông nghiệp+ Thú y	37.200		37.200	
	+ Chi giao thông	25.000		25.000	
7	Sự nghiệp xã hội	216.865	174.363	42.502	
8	HĐND xã	200.132	147.950	52.182	
9	UBND xã	912.185	592.894	319.291	
	Tiết kiệm chi TX 10%	35.000		35.000	
10	Công tác Đảng	323.539	247.078	76.461	
11	MTTQ và TTND xã	145.089	100.619	44.470	
12	Đoàn TNCSHCM	78.396	59.096	19.300	
13	Hội Phụ nữ xã	70.434	50.094	20.340	
14	Hội Nông dân xã	63.384	49.824	13.560	
15	Hội CCB xã	63.412	48.507	14.905	
16	Hội Chữ thập đỏ	12.186	6.186	6.000	
17	Hội Người cao tuổi	12.932	7.932	5.000	
18	Hội Khuyến học	9.636	5.636	4.000	
19	Hội Nhiễm chất độc da cam	9.636	5.636	4.000	
20	Hội Thanh niên xung phong	9.636	5.636	4.000	
21	Chi đầu tư mua sắm TSCĐ	350.000		350.000	
II	CHI ĐẦU TƯ XDCB	1.000.000		1.000.000	
1	Chi giao thông	175.000		175.000	
	Chi bồi thường, hỗ trợ GPMB thu				
2	hồi đất	825.000		825.000	